TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 18-02-2022.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm N dân:

1. Ông Lê Văn Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng, là Thư ký Tòa án N dân huyện Long Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 960/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST –DS ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968.

HKTT: E24 khu phố 1, phường Trảng D, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 1827/33/7 khu phố Thiên Bình, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

HKTT: E24 khu phố 1, phường Trảng D, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 1827/33/7 khu phố Thiên Bình, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn***: Ông Ngô Trọng N, sinh năm 1980

Địa chỉ: 352A ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Bà Huất Thị Minh C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 295 khu A, ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

HKTT: E24 khu phố 1, phường Trảng D, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 1827/33/7 khu phố Thiên Bình, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Trương Tiến D – Công ty luật TNHH MTV Trương Tiến D – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, Luật sư D có mặt, ông N, bà C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Nguyễn Thị T trình bày*:** Ngày 29/8/2018, ông Phạm Văn H có cho ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có lập một khế ước vay tiền và ký tên, thời hạn vay 3 tháng, kể từ ngày 29/8/2018 đến ngày 29/11/2018, lãi suất không ghi trong khế ước nhưng thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Khi vay tiền ông N và bà C có thế chấp cho ông H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 365551 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C đứng tên ngày 12/2/2015, đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 26 xã An Phước, huyện Long Thành.

Cùng ngày 29/11/2018, bà và ông N, bà C có lập một hợp đồng đặt cọc, với nội dung ông N và bà C sẽ chuyển nhượng cho bà quyền sử dụng đất thuộc thửa số 221, tờ bản đồ số 26 xã A, huyện Long Thành với giá một tỷ đồng, bà đặt cọc cho ông N, bà C số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn thực hiện 3 tháng, kể từ ngày 29/8/2019 đến 29/11/2018, tuy nhiên hợp đồng đặt cọc này thực chất chỉ để đảm bảo việc thanh toán khoản nợ theo khế ước vay tiền ngày 29/8/2018 mà hai bên đã ký kết.

Sau khi vay số tiền 500.000.000 đồng, ông N và bà C trả được hai tháng tiền lãi 50.000.000 đồng thì ngưng không trả cho đến nay.

Tiền lãi trong hạn từ ngày 29/8/2019 đến ngày 29/10/2018 với lãi suất 20%/năm tức là 1,66%/tháng x 500.000.000 đồng x 02 tháng = 16.600.000 đồng.

Đối với số tiền trả lãi 02 tháng vượt quá quy định là 33.400.000 đồng, ông H đồng ý được trừ vào tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật, cụ thể 500.000.000 đồng -33.400.000 đồng = 466.600.000 đồng.

Ông H yêu cầu ông N, bà C trả tiền nợ gốc là 446.600.000 đồng và lãi suất từ ngày 30/10/2018 đến ngày xét xử ngày 18/02/2022 là 39 tháng 18 ngày, ông H tự nguyện tính làm tròn 39 tháng, cụ thể : lãi suất quy định 1,66%/tháng x 466.600.000 đồng x 39 tháng = 302.076.840 đồng (làm tròn 302.000.000 đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 365551 do Sở tài nguyên và môi trường cấp cho ông N và bà C đứng tên ngày 12/2/2015 đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 26 xã An Phước, huyện Long Thành thế chấp cho ông H khi vay tiền. Anh H đồng ý trả lại cho ông N, bà C khi thanh toán xong số tiền nợ gốc và lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày : Bà là vợ ông Phạm Văn H, số tiền ông H cho ông N, bà C vay là tiền chung của hai vợ chồng nên bà yêu cầu ông N và bà C phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền nêu trên, ngoài ra bà T không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp và các quyết định của Tòa án nhưng ông Ngô Trọng N, bà Huất Thị Minh C không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của ông N, bà C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các Điều 69, 70, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên bị đơn chưa thực hiện đúng các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H. Buộc ông ông N, bà C phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền nợ gốc là 446.600.000 đồng và tiền lãi là 302.000.000 đồng, tổng cộng: 768.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Bị đơn Ngô Trọng N, bà Huất Thị Minh C đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N, bà C vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N, bà C.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay tiền vào ngày 29/8/2018, hai bên có lập khế ước vay tiền bằng giấy tay, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án: Ông H yêu cầu ông N và bà C phải có trách nhiệm trả tiền lãi trong hạn từ ngày 29/8/2019 đến ngày 29/10/2018 với lãi suất 20%/năm tức là 1,66%/tháng x 500.000.000 đồng x 02 tháng = 16.600.000 đồng.

Đối với số tiền trả lãi 02 tháng vượt quá quy định là 33.400.000 đồng, ông H

đề nghị được trừ vào tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật, cụ thể 500.000.000 đồng -33.400.000 đồng = 466.600.000 đồng.

Ông H yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 466.600.000 đồng từ ngày 30/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/02/2022 là 39 tháng 18 ngày, ông H tự nguyện tính làm tròn 39 tháng, cụ thể : lãi suất quy định 1,66%/tháng x 466.600.000 đồng x 39 tháng = 302.076.840 đồng (làm tròn 302.000.000 đồng).

[4] Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, ông N, bà C không đến Tòa án làm việc, vì vậy, đại diện nguyên đơn bà T yêu cầu giám định chữ ký của ông N, bà C tại khế ước vay tiền ngày 29/8/2018 và bản tự khai của ông N, bà C ngày 29/3/2019 trong vụ án thụ lý số 59/TLST -DS ngày 11/3/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" giữa bà Nguyễn Thị T với ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C. Tại kết luận giám định số 1148/KLGĐ-PC09 ngày 06/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Ngô Trong N, Huất Thị Minh C trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) (tức khế ước vay tiền ngày 29/8/2018) so với chữ ký và chữ viết trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) (tức bản tự khai của ông N, bà C ngày 29/3/2019) do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C có vay ông Phạm Văn H số tiền 500.000.000 đồng.

[5] Tại khế ước vay mượn tiền ngày 29/8/2018, các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, ông H khai các bên có thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, tại bản tự khai của ông Ngô Trọng N ngày 29/3/2019 trong vụ án thụ lý số 59/TLST -DS ngày 11/3/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" giữa bà Nguyễn Thị T (vợ ông H) với ông N, bà C, ông N xác nhận anh H cho vay 500.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng 5% tương đương 25.000.000 đồng/tháng, ông đã trả lãi 03 tháng. Như vậy, các bên có thỏa thuận lãi suất là có căn cứ.

Ông H chỉ thừa nhận ông N, bà C trả lãi 02 tháng là 50.000.000 đồng, ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả lãi 03 tháng nên không có cơ sở để xem xét.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay" và "Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực". Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà T đồng ý đối với số tiền trả lãi 02 tháng vượt quá quy định là 33.400.000 đồng, trừ vào tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật, cụ thể 500.000.000 đồng -33.400.000 đồng = 466.600.000 đồng.

[6] Tiền lãi từ ngày 30/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 39 tháng 18 ngày, đại diện nguyên đơn bà T đề nghị tính lãi suất 20%/năm tức

1,66%/tháng, không yêu cầu tính theo lãi suất quá hạn và tính làm tròn 39 tháng là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể: Lãi suất quy định 1,66%/tháng x 466.600.000 đồng x 39 tháng = 302.076.840 đồng (làm tròn 302.000.000 đồng).

[7] Bà Nguyễn Thị T là vợ ông Phạm Văn H xác định số tiền ông H cho ông N, bà C vay là tài sản chung của vợ chồng đề nghị ông N và bà C có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà,

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N, bà C phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc: 466.600.000 đồng và lãi suất: 302.000.000 đồng, tổng cộng: 768.600.000 đồng cho nguyên đơn ông Phạm Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Trong N và bà Huất Thị Minh C phải chịu 34.744.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (768.600.000 đồng =20.000.000đ + (368.600.000đ x 4%))

[9] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát N dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[10] Ý kiến của Luật sư Trương Tiến D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền lãi trả vượt quá quy định được trừ vào tiền nợ gốc phải trả và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 20%/năm là có lợi cho bị đơn. Ý kiến của Luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147 ; khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Ngô Trong N và bà Huất Thị Minh C phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc: 466.600.000 đồng và lãi suất: 302.000.000 đồng, tổng cộng: 768.600.000 đồng (bảy trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 365551 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C đứng tên ngày 12/2/2015 đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 26 xã An Phước, huyện Long Thành khi ông N, bà C thanh toán xong nợ gốc và lãi suất nêu trên.

2. Về án phí: Ông Ngô Trọng N và bà Huất Thị Minh C phải chịu 34.744.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.498.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004937 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Trọng N, bà Huất Thị Minh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên